

Bản án số: 28/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 9 - 2020
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Sái Đức Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Hồng

Bà Nguyễn Thị Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên: Ông Lưu Nguyên Vũ- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị C, sinh năm 1987

Địa chỉ: Xóm T, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: Anh Dương Văn P, sinh năm 1981

Nơi ĐKKHKT: Xóm T, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Đội 42, Phân trại số 1, Trại giam Phú Sơn 4.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/7/2020 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự trình bày như sau:

- *Nguyên đơn chị Dương Thị C trình bày:* Chị và anh Dương Văn P có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tự nguyện tại UBND xã Đ ngày 10/01/2005. Hai bên gia đình có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân: Năm 2007, anh P chơi bời, mắc nghiện ma túy nên vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, mặc dù chị đã nhiều lần khuyên bảo để anh P thay đổi để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con trưởng thành nhưng không được. Anh P đã phải đi chấp hành án phạt tù lần thứ 03 và hiện nay đang chấp hành án phạt tù tại Đội 42 phân trại 1, Trại giam Phú Sơn 4. Nay chị định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được. Yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Dương Văn P.

Về con chung: Có 01 con chung là Dương Văn T, sinh ngày 21/6/2006, chị C đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T, vì cháu còn nhỏ đang là học sinh nên cần sự chăm sóc của mẹ và không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Về tài sản chung: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- *Bị đơn là anh Dương Văn P trình bày:* Anh thừa nhận có đăng ký kết hôn với chị C tại UBND xã Đ ngày 10/01/2005. Do anh P đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Phú Sơn 4 nên anh có mong muốn chị C chờ anh chấp hành án xong thì giải quyết ly hôn. Nay chị C yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh không nhất trí.

Về con chung: Anh và chị C có 01 con chung là đúng. Do anh không đồng ý ly hôn nên không đồng ý giải quyết về phần con chung.

Về tài sản chung: Anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Dương Văn P hiện đang chấp hành án tại Đội 42 phân trại 1, Trại giam Phú Sơn 4 nên không thể đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được theo

khoản 2 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên vụ án phải đưa ra xét xử công khai ngày hôm nay.

Tại phiên tòa, mặc dù vắng mặt anh P nhưng chị C vẫn giữ quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn vắng mặt đối với anh P, vì anh P đang chấp hình phạt tù nên không thể có mặt tham gia phiên tòa được. Chị đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung không có.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề Hội đồng xét xử:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị C

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị C được ly hôn anh Dương Văn P.

- Về nuôi con chung: Giao cho chị Dương Thị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Dương Văn T, sinh ngày 21/6/2006 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Dương Thị C không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Anh Dương Văn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh Phong có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị C và anh P đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- Về công nợ chung: Chị C và anh P đều xác định không có.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Dương Thị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm nộp sung quỹ Nhà nước.

- Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được Hội đồng xét xử thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình, bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Bị đơn anh P đã được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng hiện đang phải chấp hành án tại Đội 42 phân trại 1, Trại giam Phú Sơn 4 nên anh không thể đến Tòa án để tham gia phiên tòa được. Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với bị đơn anh P.

[2] Về nội dung: Chị Dương Thị C và anh Dương Văn P kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được thừa nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Lý do chị Dương Thị C khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Dương Văn P là do anh P mắc nghiện ma túy, mặc dù chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng không thành. Anh P đã phải đi chấp hành án 3 lần và hiện nay đang chấp hành án phạt tù tại Đội 42 phân trại 1, Trại giam Phú Sơn 4, tỉnh Thái Nguyên. Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị C và anh P đã có nhiều năm, anh P đã 3 lần đi chấp hành án tại trại giam nên vợ chồng không có hạnh phúc, hai bên không hòa hợp hàn gắn được, hiện tại vợ chồng vẫn đang sống ly thân. Nay chị C giữ nguyên quan điểm đề nghị ly hôn. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng đã ở tình trạng trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung vợ chồng không tồn tại nên chấp nhận yêu cầu của chị C, cho chị C được ly hôn với anh P là phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

2.2 Về con chung: Chị C và anh P có 01 con là Dương Văn T, sinh ngày 21/6/2006. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay cháu T còn nhỏ, rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục của người mẹ cả về vật chất, tinh thần và nguyện vọng của cháu T mong muốn được ở với mẹ. Còn anh P là nghiện chất ma túy và đang phải chấp hành án phạt tù trong trại giam. Do vậy, cần giao cho chị Dương Thị C trực tiếp nuôi cháu Dương Văn T là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa, chị Dương Thị C không yêu cầu anh Dương Văn P cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về quyền thăm nom con: Sau khi ly hôn, anh Dương Văn P là người không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh P có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.3 Về tài sản chung: Chị C và anh P không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

2.4 Về nợ chung: Chị C và anh P đều xác định không có.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Nguyên đơn là chị Dương Thị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

[4] Thông báo về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 227, 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Dương Thị C

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị C được ly hôn anh Dương Văn P.

2. Về nuôi con: Giao cho chị Dương Thị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Dương Văn T, sinh ngày 21/6/2006 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Dương Thị C không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

4. Về quyền thăm nom con: Sau khi ly hôn, anh Dương Văn P không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh P có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

5. Về tài sản chung: Chị C và anh P không yêu cầu giải quyết.

6. Về nợ chung: Không có.

7. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Dương Thị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nộp sung quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000387 ngày 09 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

8. Thông báo về quyền kháng cáo: Có mặt nguyên đơn (chị C) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên bản án. Vắng mặt bị đơn (anh P) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên (01 bản);
- VKS ND huyện, tỉnh (02 bản);
- T.H.A DS huyện (01 bản);
- Các đương sự trong vụ án;
- UBND xã Đ;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sái Đức Trung